TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 260/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 19/8/2020
V/v tranh chấp *"Xin ly hôn, nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kiều Oanh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Nhiệm;
2. Bà Trần Thu Hồng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang: Ông Nguyễn Văn Quí – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2020/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp *"Xin ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Lê Thị Cẩm Q, sinh năm 1992.**

Địa chỉ: Ấp L, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Anh Trần Thành C, sinh năm 1989.**

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Chị Cẩm Q có đơn xin vắng mặt, anh C vắng mặ t)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm Q có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình giải quyết vụ án, chị Q trình bày:*

Chị và anh C do quen biết, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang ngày 04/6/2013. Thời gian đầu anh chị sống với nhau rất hạnh phúc nhưng về sau, hai anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh C gây nợ. Chị không biết lý do vì sao anh C thiếu nợ người khác nhưng chủ nợ thường đến nhà đòi tiền, thậm chí chặn xe chị đang đi trên đường để lấy xe. Anh C cũng không chăm lo con cái, gia đình nên từ đó hai anh chị thường xuyên cãi vả. Đến cuối năm 2019 thì anh C bỏ nhà đi, từ thời điểm đó đến nay anh cũng không có liên lạc gì với chị. Nay chị thấy rằng cuộc sống chung của anh chị không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn với anh C.

Quá trình chung sống, anh chị có một con chung tên Trần Lê Trọng K, sinh ngày 23/6/2013, hiện nay con đang sống chung với chị, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: Không có.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị không trình bày gì thêm khác.

** Bị đơn anh Trần Thành C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công bố, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung của chị Lê Thị Cẩm Q.*

* Ý kiến của Viện kiểm sát: Kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung của chị Lê Thị Cẩm Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng, chị Lê Thị Cẩm Q có đơn xin vắng mặt, anh Trần Thành C được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để dự phiên tòa, nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thảo luận của Hội đồng xét xử. Hội đồng xét xử xác định quan hệ các bên đang tranh chấp là: "*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung"* cần được xem xét, giải quyết theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh C tự nguyện sống chung với nhau từ năm từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang vào ngày 04/6/2013. Hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án chị Q cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh chị có mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, anh C thiếu nợ nhiều người nhưng chị không biết lý do, anh C cũng không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Anh C đã bỏ nhà đi. Theo biên bản xác minh của Tòa án đã xác định anh C đã bỏ nhà đi, không còn chung sống với chị Q từ cuối năm 2019 đến nay. Tòa án triệu tập anh C nhiều lần nhưng anh không đến Tòa để trình bày ý kiến. Anh C cũng không gửi cho Tòa án bản trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của chị Q. Mặc dù, giữa anh chị không có phát sinh mâu thuẫn gì lớn, nhưng anh C gây nợ, bỏ nhà đi, anh chị đã ly thân. Điều này cho thấy rằng, giữa chị Q và anh C không còn quan tâm lẫn nhau, hôn nhân của chị Q và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q.

[4] Về con chung: Chị Q và anh C có một con chung tên Trần Lê Trọng K, sinh ngày 23/6/2013, hiện nay cháu K đang sống chung với chị Q, chị Q yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay cháu K đang sống với chị Q đã ổn định trong việc sinh hoạt cũng như việc học tập, đồng thời anh C không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu K cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Q chưa có yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu K nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí: Chị Q yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét ý kiến và đề nghị của Viện Kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ váo các điều 147, 238, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình;

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Chị Lê Thị Cẩm Q.

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Cẩm Q được ly hôn với anh Trần Thành C.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Cẩm Q được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Lê Trọng K, sinh ngày 23/6/2013.

Anh C được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Chị Q cùng các thành viên trong gia đình không được ngăn cản anh C thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị Q phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0016427 ngày 22/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây nên chị Q đã nộp xong án phí.

Anh C không phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Q, anh C được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Kiều Oanh